

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2021/DS-PT

Ngày: 25/11/2021

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Công Thi

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào và bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Phạm Tấn Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 359/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tô Văn G, sinh năm 1941. Địa chỉ: xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Đình H (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969 và ông Tô Tấn T, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1941 (chết năm 2014)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H:

1. Ông Tô Văn G, sinh năm 1941. Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)
2. Ông Tô Đình H, sinh năm 1966. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. (có mặt).
3. Ông Tô Văn A, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)
4. Ông Tô Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Văn L: Ông Tô Đình H, sinh năm 1966. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Tô Văn G cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tô Đình H trình bày: Vào năm 1994, ông Tô Văn G được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam giao 0,8ha đất lâm nghiệp, sử dụng ổn định, lâu dài tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam theo Quyết định cấp đất số 11/94/QĐ-UB ngày 29/12/1994, có tứ cận: Phía Đông giáp ruộng đội 1; phía Tây giáp vườn Phú Cẩm đất đỏ; phía Nam giáp vườn lợi đội 1, Hợp tác xã 1 Q; phía Bắc giáp vườn bà T. Sau khi nhận đất, ông Tô Văn G trồng các loại cây như: bạch đàn, keo, sao đen và tiếp tục chăm sóc các cây có sẵn từ trước. Đến tháng 10/2005, vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Tô Tấn T đến chặt phá vườn cây của ông G và cho rằng đất này là của vợ chồng bà S, ông T.

Nguyên đơn thừa nhận hiện nay trên diện tích đất tranh chấp 4.779m² có các tài sản theo như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, gồm: 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu dầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít, 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen. Trong đó, có 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn và 15 cây sao đen là do ông G trồng, số cây còn lại là do bà Huỳnh Thị Y trồng. Đối với những cây do ông G trồng, ông G đã thuê ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị D và bà Nguyễn Thị Thanh T (*là người ở địa phương*) tham gia phát dọn và trồng.

Tại phiên hòa giải ngày 11/12/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.779m² và đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với những yêu cầu này. Nay ông Tô Văn G chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án công

nhận các tài sản có trên diện tích đất 4.779m², gồm: 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen do ông G trồng và 480 cây lấy củi, 13 cây muông, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít do bà Huỳnh Thị Y trồng là thuộc quyền sở hữu của ông Tô Văn G. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị S cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tô Tấn T trình bày:

Năm 1988, bà Huỳnh Thị Y chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn S (*là anh ruột bà Nguyễn Thị S*) một khu vườn với diện tích 04 sào, tương đương 2.000m². Đến năm 1990, ông S chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nên chuyển nhượng lại khu vườn này cho vợ chồng bà S và vợ chồng bà S đã quản lý, sử dụng, trồng thêm một số cây như: keo, sao đen, bạch đàn. Đến tháng 10/2005, ông Tô Văn G lên chặt phá vườn cây nên vợ chồng bà S đã ngăn cản.

Bị đơn thừa nhận hiện nay trên diện tích đất tranh chấp 4.779m² có các tài sản theo như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, gồm: 480 cây lấy củi, 13 cây muông, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít do bà Huỳnh Thị Y trồng để lại và 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen do vợ chồng bà S trồng.

Hiện nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.779m² thì bị đơn đồng ý và đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với những yêu cầu này. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận các tài sản có trên diện tích đất 4.779m², gồm: 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen, 480 cây lấy củi, 13 cây muông, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý. Bởi vì, 104 cây keo lá tràm, 05 cây bạch đàn, 15 cây sao đen là do bị đơn trồng và 480 cây lấy củi, 13 cây muông, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (*thầu đầu*), 02 bụi tre (*41 cây*), 03 cây mít là do bà Huỳnh Thị Y trồng, bà Y đã chuyển nhượng lại cho ông S và ông S đã chuyển nhượng lại cho bị đơn nên thuộc quyền sở hữu của bị đơn. Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H là ông Tô Đình H, ông Tô Văn A và ông Tô Văn L (do ông Tô Đình H đại diện theo ủy quyền)

thống nhất như lời khai và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-PT ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 39, 74, 147, 244 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 163, 164, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử;

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn G đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S, ông Tô Tấn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.779m² tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn G đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S, ông Tô Tấn T về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

3. Công nhận và giao cho ông Tô Văn G, ông Tô Đình H, ông Tô Văn A, ông Tô Văn L được quyền sở hữu đối với các tài sản sau: 104 cây keo lá tràm (51 cây có đường kính gốc trên 30cm, 48 cây có đường kính gốc từ 15cm đến 30cm, 05 cây có đường kính gốc từ 05cm đến dưới 15cm), 05 cây bạch đàn (02 cây có đường kính gốc trên 30cm, 03 cây có đường kính gốc từ 05cm đến 30cm), 15 cây sao đen (có đường kính gốc trên 11cm) trên diện tích đất 4.779m² tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ diện tích đất kèm theo).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn G đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S, ông Tô Tấn T về việc tranh chấp quyền sở hữu 480 cây lấy củi, 13 cây muồng, 01 cây bồ kết, 08 cây nhãn, 03 cây xoan (thầu đầu), 02 bụi tre (41 cây), 03 cây mít trên diện tích đất 4.779m² tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ diện tích đất kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/02/2021 bà Nguyễn Thị S là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo bà S cho rằng thửa đất mà ông G được cấp giấy chứng nhận không phải là thửa đất ở vườn của bà S, cách đất của bà S 272m, tài sản cây cối trên đất là của bà S. Bà S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn G.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị S xét thấy:

[1]. Tại giai đoạn sơ thẩm ông Tô Văn G rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.779m² tại thôn P, xã Quê Thọ, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn và chỉ xem xét yêu cầu tranh chấp tài sản, cây cối trên diện tích 4.779m², xét thấy, tuy ông G đã rút lại yêu cầu tranh chấp đất đai, chỉ còn yêu cầu tranh chấp cây cối, tài sản nhưng để giải quyết quan hệ tranh chấp và công nhận quyền sở hữu tài sản là cây cối trên đất là của ai thì đòi hỏi cần làm rõ cụ thể về vị trí, diện tích đất mới giải quyết tài sản trên đất và công nhận quyền sở hữu cho họ.

Xem xét về vị trí, diện tích đất xét thấy, theo ông Tô Văn G cho rằng ông được UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam giao 0,8 ha đất lâm nghiệp (tương ứng 8.000m²) theo Quyết định cấp đất số 11/94/QĐUB ngày 29/12/1994. Vị trí tại thôn P, xã Quê Thọ, huyện H, mặc khác, ông G cũng thừa nhận trên thửa đất diện tích 4.779m² có một số cây lâu năm do bà Y trồng, trong lúc phía bị đơn hầu hết các lời khai bà Nguyễn Thị S trình bày về thửa đất có diện tích 04 sào, tương đương 2.000m², nguồn gốc là của bà Huỳnh Thị Y chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S, năm 1990 ông S chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh nên chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà sử dụng, bà đã trồng thêm một số cây như keo, sao đen, bạch đàn.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 44/DS-GĐT ngày 13/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định về 06 nội dung, trong đó yêu cầu thu thập, xác minh làm rõ sự mâu thuẫn trong việc xác nhận, cung cấp hồ sơ tài liệu, chứng cứ về thửa đất cho Tòa án của Ủy ban nhân dân huyện H và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H; xác định làm rõ vị trí, diện tích thửa đất, nguyên nhân tăng 1.758m² so với 8.000m² giao cho ông G theo quyết định 11/94/UBND ngày 29/12/1994 của UBND huyện H; cụ thể tại nhận định thứ [5] của Quyết định giám đốc thẩm số 44/DS-GĐT nêu “*Khi giải quyết lại vụ án,*

Tòa án cần làm rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện H và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Quảng Nam về việc cung cấp thông tin, tài liệu có nội dung không thống nhất cho Tòa án là do thiếu trách nhiệm hay có động cơ, mục đích nào khác”. Nhưng khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm gửi nhiều văn bản, cụ thể Công văn số 26/TA-CC ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam gửi Ủy ban nhân dân huyện H về việc “yêu cầu cung cấp thông tin tài liệu về diện tích đất tranh chấp” ngày 10/4/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp tục có Công văn số 05/TA-CC tiếp tục yêu cầu trả lời và cung cấp thông tin, nhưng Ủy ban nhân dân huyện H vẫn không có văn bản trả lời, đối với Công văn số 27/TA-CC ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H về việc “yêu cầu cung cấp thông tin địa chính”, tại Công văn số 154/VPĐK ngày 23/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H trả lời có các nội dung:

... “Về đường ranh giới thửa đất được giao theo Quyết định số 11/94/UBND ngày 29/12/1994 của UBND huyện H trước đây không có tọa độ cụ thể kèm theo nên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H không thể định vị, xác định vị trí chính xác thửa đất giao theo số 11/94/UBND ngày 29/12/1994 của UBND huyện H.”

... “Qua kiểm tra, đối chiếu hồ sơ giao đất cho hộ ông G năm 1994 và thực tế sử dụng của ông G tại vị trí đất tranh chấp thì có thay đổi về diện tích và hình thể thửa đất. Diện tích và hình thể thửa đất thay đổi là do cơ quan chuyên môn tham mưu trước đây là Hạt kiểm lâm huyện, thực hiện công tác đo đạc bằng phương pháp thủ công, định vị thửa đất ngoài thực địa bằng la bàn cầm tay.”

Như vậy, sau khi thụ lý lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện một số nội dung theo yêu cầu tại Quyết định giám đốc thẩm số 44/DS-GĐT ngày 13/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ được vị trí, ranh giới, diện tích các thửa đất và chưa đáp ứng theo các yêu cầu tại Quyết định giám đốc thẩm nêu trên, tiến hành xét xử lại đối với vụ án là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết lại vụ án cần làm rõ 8.000m² đất giao cho ông G theo quyết định 11/94/UBND ngày 29/12/1994 của UBND huyện H nằm ở vị trí nào, làm rõ diện tích tăng lên 1.758m² thuộc quyền sử dụng của ai, xác định rõ 2.000m² đất bà S cho rằng thuộc quyền sử dụng của mình nằm ở vị trí nào trên thửa đất, xác định rõ tình trạng cây cối, tài sản trên đất là của ai, từ đó mới có cơ sở xem xét công nhận quyền sở hữu cây cối trên đất.

[2]. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản ngày 01/9/2020, thể hiện trên thửa đất tranh chấp có một số cây cối gồm có.

Phần A diện tích 2.389,5m² có 176 cây lấy củi, 9 cây muồng, 1 cây bồ kết, 8 cây nhãn, 3 cây xoan (thầu đầu) 56 cây keo lá tràm và 5 cây bạch đàn. Trên thửa đất (phần B) có 304 cây lấy củi, 4 cây muồng, 48 cây keo lá tràm, 15 cây sao đen, 2 bụi tre (41 cây) và 3 cây mít. Tổng diện tích 2 phần đất 4.779m². Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận quyền sở hữu và giao cho gia đình ông G được quyền sở hữu 104 cây keo lá tràm (trên hai phần đất A và B), 05 cây bạch đàn (trên phần A), 15 cây sao đen (trên phần B) trên diện tích 4.779m². Số cây còn lại không công nhận cho ai gồm: 480 cây lấy củi (trên hai phần A, B), 13 cây muồng (trên hai phần A,B), 01 cây bồ kết (trên phần A), 08 cây nhãn (trên phần A), 03 cây xoan (thầu đầu) (trên phần A), 02 bụi tre (41 cây) (trên phần B), 03 cây mít (trên phần B). Như đã nhận định nêu trên, do chưa xác định rõ về vị trí, diện tích và ranh giới thửa đất của ông G được giao, việc công nhận sở hữu và giao số cây nêu trên cho ông G, ông H, ông A và ông L là chưa có cơ sở, trường hợp có yêu cầu thi hành án thì cũng không thể thi hành được.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, quá trình giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu cần làm rõ tại Quyết định giám đốc thẩm số 44/DS-GĐT ngày 13/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuy Tòa án không giải quyết quan hệ tranh chấp đất đai nhưng cần phối hợp Ủy ban nhân dân huyện H và các cơ quan có chức năng quản lý làm rõ về diện tích tăng lên, vị trí đất giao cho ông G, để có cơ sở công nhận quyền về tài sản trên đất, việc thi hành án không bị trở ngại, với những phân tích nêu trên, do thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, nguyên nhân khách quan một phần do Ủy ban nhân dân và các cơ quan có chức năng có nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai của huyện H chưa có sự phối hợp cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục bổ sung được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm, bà Nguyễn Thị S không phải chịu, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà S.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo qui định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại số tiền 300.000đ (do bà Phan Thị M nộp thay) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002643 ngày 26/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam cho bà S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi